

# TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM XÔ - MỸ TRONG CUỘC KHỦNG HOẢNG CARIBBEAN

Ths. NGUYỄN THANH THỦY

*Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn*

Cuộc khủng hoảng Caribbean xảy ra năm 1962. Một số tài liệu gọi là cuộc khủng hoảng tên lửa Cu Ba vì liên quan tới việc Liên Xô đưa tên lửa hạt nhân vào Cu Ba. Liên Xô và Hoa Kỳ là hai đối tác chính trong cuộc khủng hoảng này. Đây là cuộc đối đầu trực tiếp đầu tiên giữa Liên Xô và Hoa Kỳ kể từ khi cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu. Việc nghiên cứu về sự kiện này không phải là một vấn đề mới. Điểm mới ở đây là cách tiếp cận với vấn đề nghiên cứu. Quan điểm của Liên Xô và Hoa Kỳ trong cuộc khủng hoảng Caribbean được nghiên cứu trên phương diện của cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân và tác động của nó tới các vấn đề an ninh chính trị và quan hệ quốc tế. Hơn nữa, bài học rút ra từ cuộc khủng hoảng vẫn còn có giá trị cho các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay. Bài viết này góp phần tìm hiểu quan hệ Xô - Mỹ cũng như cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa hai siêu cường trong thời kỳ chiến tranh lạnh.

## 1. Tiền đề của cuộc khủng hoảng

Cuộc khủng hoảng Caribbean có tiền đề trực tiếp từ các mối quan hệ song phương giữa Liên Xô, Hoa Kỳ và Cu Ba. Đối với cặp

quan hệ Xô - Mỹ, từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, quan hệ giữa Liên Xô và Hoa Kỳ cùng với hai khối đứng sau hai siêu cường này rơi vào tình trạng đối đầu căng thẳng. Trong cuộc đối đầu Xô - Mỹ, cả Liên Xô và Hoa Kỳ cùng ra sức xây dựng và củng cố sức mạnh của khối mình để làm đối trọng với khối kia trên mọi phương diện. Trong lĩnh vực quân sự, thể hiện rõ qua cuộc chạy đua vũ trang trong đó vũ khí hạt nhân được coi là then chốt. Về phía Hoa Kỳ, từ năm 1953, chính quyền Mỹ thực hiện Học thuyết Eisenhower. Học thuyết này chủ trương dựa vào ưu thế vũ khí hạt nhân của Mỹ để đẩy cuộc đối đầu lên mức cao hòng khuất phục Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước sức mạnh của Mỹ. Trên cơ sở của Học thuyết Eisenhower, Mỹ đưa ra chiến lược "trả đũa ô ạt". Một trong những nội dung chủ yếu của chiến lược này là dùng vũ khí hạt nhân chiến lược đánh đòn phủ đầu bất ngờ vào đối phương (chủ yếu là Liên Xô) để giành thắng lợi có ý nghĩa quyết định ngay từ đầu<sup>(1)</sup>. Với nội dung đó, chính sách này đã

<sup>(1)</sup> Lê Bá Thuyên. *Hoa Kỳ cam kết và mở rộng*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1997. tr. 31.

góp phần gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, chủ yếu giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Đây là cuộc chạy đua quyết liệt và tốn kém trong suốt mấy thập kỷ. Đối với Hoa Kỳ, chạy đua vũ trang là một phần quan trọng của chính sách "ngăn chặn" của chính quyền Mỹ nhằm chống lại Liên Xô trong thời kỳ chiến tranh lạnh. Trong Nghị quyết NSC-162/2 của Hội đồng An ninh Quốc gia Mỹ được công bố ngày 30-10-1953, chính quyền Truman cho rằng, nguy cơ của mối đe dọa của vũ khí hạt nhân của Liên Xô đối với Hoa Kỳ và các đồng minh phương Tây của Mỹ đang gia tăng. Bản Nghị quyết cũng cho rằng, chỉ Hoa Kỳ mới có đủ khả năng để đối phó với sự đe dọa hạt nhân của Liên Xô. Vì vậy, chính quyền Mỹ phải lãnh trách nhiệm đối phó với mối hiểm họa hạt nhân từ Liên Xô để bảo vệ an ninh của Hoa Kỳ cũng như các đồng minh của Mỹ<sup>(2)</sup>. Khi Liên Xô thành công trong việc phóng vệ tinh Sputnik năm 1957, Tổng thống Eisenhower đã kêu gọi áp dụng một biện pháp quân sự để đối phó với Liên Xô khi cần thiết, đồng thời khuyến khích phát triển các hệ thống tên lửa đường đạn để làm đối trọng với Liên Xô<sup>(3)</sup>.

Về phía Liên Xô, ngay từ năm 1943, khi phát hiện Mỹ nghiên cứu và sản xuất bom nguyên tử, chính quyền Stalin đã quyết định tiến hành nghiên cứu kỹ thuật hạt nhân. Tuy nhiên phải mất hai năm sau, khi điều kiện cho phép, Liên Xô mới có thể nghiên cứu sản xuất bom nguyên tử. Ngày 20-8-1945, Josif Stalin, Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Nhà nước Liên Xô (GKO) ký quyết định thành lập một "Ủy ban Đặc biệt" gồm 9 người trực thuộc GKO. Ủy ban Đặc biệt có các nhiệm vụ chính là: 1) Phát triển việc nghiên cứu khoa học về năng lượng nguyên tử từ chất uranium; 2) Tìm kiếm và khai thác các nguồn quặng uranium ở cả bên ngoài Liên Xô (đặc biệt là ở Bungari và Tiệp Khắc); 3) Tổ chức chế biến uranium và sản xuất các thiết bị đặc biệt, nguyên liệu phục vụ cho việc sử dụng năng lượng nguyên tử; 4) Xây dựng các cơ sở năng lượng nguyên tử và phát triển việc sản xuất bom nguyên tử<sup>(4)</sup>. Những nỗ lực của Ủy ban này đã đưa đến kết quả. Ngày 29-8-1949, Liên Xô đã thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên, phá vỡ sự độc quyền vũ khí hạt nhân của Mỹ. Những tiến bộ về kỹ thuật vũ khí hạt nhân của Liên Xô trong những năm 1950 đã làm thay đổi cán cân lực lượng hạt nhân của Liên Xô so với

<sup>(2)</sup> Thomas G. Paterson & Dennis Merrill. *Major Problems in American Foreign Relations. Vol. II: Since 1914*. D. C. Heath and Company, Massachusetts, 1995. Tr. 422-423.

<sup>(3)</sup> *Major Problems*, sdd, tr. 430-432.

<sup>(4)</sup> Mark Kramer. *Research Note: Documenting the Early Soviet Nuclear Weapons Program*. Bulletin of the Cold War International History Project, Issue 6-7, Winter 1995/1996. Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington D.C. Tr. 269.

Hoa Kỳ. Để đối phó với mối đe dọa hạt nhân của Mỹ, Liên Xô tiếp tục phát triển vũ khí hạt nhân tấn công thế hệ thứ hai. Kết quả là đến thập kỷ 1960 Liên Xô đã có kho vũ khí hạt nhân đủ sức tiêu diệt đối phương.

Đáng lưu ý là các loại vũ khí hạt nhân thế hệ mới của cả Hoa Kỳ và Liên Xô lúc này mạnh gấp nhiều lần hai quả bom nguyên tử mà Mỹ đã ném xuống hai thành phố Hiroshima và Nazasaki của Nhật Bản năm 1945. Trước khi cuộc khủng hoảng Caribbean nổ ra, cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới được đẩy mạnh. Đồng thời, những mâu thuẫn giữa Liên Xô và Hoa Kỳ tiếp tục căng thẳng, thể hiện qua một số sự kiện điển hình như vấn đề nước Đức, đặc biệt khi Liên Xô xây bức tường Berlin tháng 8-1961 và sự kiện máy bay do thám U-2 của Mỹ bị Liên Xô bắn rơi ngày 1-5-1960 trên bầu trời Sverdlovsk ở vùng núi Ural của Liên Xô. Những mâu thuẫn này càng làm cho sự đối đầu Xô - Mỹ cùng với cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân ngày càng gia tăng. Không những thế, các nước trên thế giới ở những mức độ khác nhau đều bị lôi kéo vào cuộc đối đầu Xô - Mỹ và vào cuộc chiến tranh lạnh. Cuộc khủng hoảng Caribbean năm 1962 chính là một phần của cuộc xung đột Xô - Mỹ và là một sự kiện quan trọng của cuộc chiến tranh lạnh ở khu vực Mỹ Latinh.

Đối với mối quan hệ tam giác Hoa Kỳ - Cu Ba - Liên Xô, ngay từ trước khi cuộc khủng hoảng Caribbean bùng nổ, quan hệ

giữa Hoa Kỳ và Cu Ba đã có những căng thẳng do sự can thiệp liên tục của Mỹ ở Cu Ba. Trong khi đó, quan hệ của Cu Ba với Liên Xô ngày càng thân thiện. Kể từ khi cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Cu Ba thành công năm 1959, Hoa Kỳ thi hành chính sách thù địch đối với chính phủ của Thủ tướng Fidel Castro. Hơn nữa, những tính toán về lợi ích của Hoa Kỳ ở Cu Ba luôn được đặt trong bối cảnh chính sách chung của Hoa Kỳ đối với các nước Mỹ Latinh, coi khu vực này là "sân sau" của nước Mỹ. Vì thế, Hoa Kỳ luôn tìm cách phá hoại công cuộc xây dựng đất nước của chính phủ Castro, kể cả tiến hành âm mưu hãm hại Castro, hoạt động lật đổ chính quyền và tiến công xâm lược. Quan hệ Hoa Kỳ - Cu Ba vì thế luôn ở trạng thái đối đầu. Để chống lại những mưu đồ của chính quyền Mỹ ở Cu Ba, chính phủ Cu Ba đã dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô. Về phía Liên Xô, ngoài việc giúp đỡ Cu Ba, đây chính là cơ hội để Liên Xô thâm nhập ảnh hưởng ở khu vực Mỹ Latinh. Trước khi cuộc khủng hoảng Caribbean xảy ra, Liên Xô đã tăng cường giúp đỡ Cu Ba trên mọi phương diện. Tháng 1-1960, Phó Chủ tịch Liên Xô Anastas Mikoyan sang thăm Cuba và đề nghị mua 425.000 tấn đường của Cuba trong năm 1960 và 1 triệu tấn vào năm sau<sup>(5)</sup>. Tháng 2-1960, Liên Xô và

<sup>(5)</sup> Thomas G. Paterson, J. Garry Clifford & Kenneth J. Hagan. *American Foreign Relations - A History Since 1895*. Vol. II. Houghton Mifflin Company. New York, 2000. Tr. 427.

Cu Ba ký Hiệp định Thương mại, theo đó Liên Xô mua đường của Cu Ba còn Cu Ba nhập khẩu dầu lửa, máy móc và kỹ thuật của Liên Xô. Tháng 5-1960, Cuba đã khôi phục quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Cùng thời gian này, chính phủ Cu Ba yêu cầu các công ty dầu lửa của Mỹ là Texaco, Standard Oil và công ty Royal Dutch Shell của Hà Lan đang hoạt động tại Cu Ba phải sử dụng dầu thô của Liên Xô để tinh lọc vì dầu của Liên Xô rẻ hơn rất nhiều. Các công ty này đã từ chối yêu cầu của chính phủ Cuba. Cuối tháng 6-1960, chính phủ Castro tịch thu tài sản của ba công ty này ở Cu Ba. Để trả đũa, chính quyền Eisenhower cấm nhập khẩu đường của Cu Ba đồng thời cấm xuất khẩu hàng hóa sang Cuba. Ngày 3-1-1961, Hoa Kỳ cắt quan hệ ngoại giao với Cu Ba. Sự căng thẳng trong quan hệ Mỹ - Cu Ba lên tới đỉnh điểm ngày 17-4-1961 khi Mỹ đưa 1.453 người tị nạn Cu Ba được Mỹ huấn luyện và trang bị vũ khí đổ bộ lên bãi biển Playa Girón (Vịnh Con Lợn) âm mưu lật đổ chính quyền của nhà nước cách mạng Cu Ba. Dưới sự chỉ huy trực tiếp của Fidel Castro, quân và dân Cu Ba đã đánh tan cuộc xâm lược của Mỹ. Thắng lợi này càng làm tăng uy tín của chính phủ Castro. Không cam chịu thất bại ở Cu Ba, chính quyền Kennedy tiếp tục thi hành hàng loạt các hoạt động chống Cu Ba trên các phương diện kinh tế, chính trị và ngoại giao, kể cả âm mưu sát hại Castro, nhằm mục đích cuối cùng là lật đổ chính phủ

cách mạng Cu Ba<sup>(6)</sup>. Ngoài ra, tháng 1-1962, Hoa Kỳ đã khai trừ Cu Ba ra khỏi Tổ chức các nước Châu Mỹ (OAS) và áp dụng bao vây kinh tế đối với Cu Ba. Về phía Cu Ba, sự thù địch cao độ và sự bao vây phong tỏa kinh tế của Hoa Kỳ càng đẩy Cu Ba vào thế kiên quyết chống Mỹ và ngày càng dựa vào sự giúp đỡ của Liên Xô. Ngày 4-2-1962, chính phủ Cu Ba công bố Tuyên ngôn La Habana lần thứ hai, tố cáo các hoạt động chống phá Cu Ba của chính quyền Mỹ và lên án sự thống trị Tây bán cầu của Hoa Kỳ. Đồng thời bản Tuyên ngôn nêu lên tư tưởng và mục tiêu của cách mạng Cu Ba là chống đế quốc, giải phóng dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội<sup>(7)</sup>. Với Tuyên ngôn này, Cu Ba đã đứng hẳn về phe các nước xã hội chủ nghĩa, ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc và chống lại chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là đế quốc Mỹ. Đối với Hoa Kỳ, sự xuất hiện của một nhà nước xã hội chủ nghĩa ở ngay sát nước Mỹ và ở khu vực mà các chính quyền Mỹ coi là "sân sau" của Mỹ là một sự thách thức, vì vậy họ càng quyết tâm chống phá Cu Ba. Đối với Liên Xô, sự xuất hiện một nhà nước xã hội chủ nghĩa ở Tây bán cầu, nơi vốn được các chính quyền Mỹ coi là phạm vi ảnh hưởng

---

<sup>(6)</sup> Tham khảo Michael H. Hunt. 'Managing the Cuban Missile Crises, 1961-1963'. From Crises in U.S. Foreign Policy: An International History Reader. Yale University Press, 1996. Tr. 255.

<sup>(7)</sup> Crisis in US Foreign Policy, sdd, tr. 253-254.

của Mỹ, là một điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa ở châu Mỹ. Hơn nữa, quan điểm đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của Cu Ba phù hợp với đường lối của chính phủ Liên Xô trong việc ủng hộ các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của các nước trên thế giới. Chính vì vậy, Liên Xô hoàn toàn ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Cu Ba chống lại sự can thiệp của Mỹ và cam kết bảo vệ nhà nước xã hội chủ nghĩa Cuba. Trong hoàn cảnh đó, vấn đề Cu Ba đã trở thành một xung đột mới trong quan hệ Xô - Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh. Trên thực tế, từ khi cuộc cách mạng Cu Ba nổ ra năm 1959, Hoa Kỳ và Liên Xô thường xuyên có những quan điểm bất đồng về vấn đề Cu Ba và cuộc khủng hoảng Caribbean năm 1962 chính là đỉnh điểm của những bất đồng đó.

## **2. Quan điểm của Liên Xô và Hoa Kỳ trong cuộc khủng hoảng**

Quan điểm của Liên Xô trước hết được thể hiện trong việc triển khai vũ khí của Liên Xô ở Cu Ba. Từ sau sự kiện Hoa Kỳ tấn công Cu Ba tháng 4-1961, Liên Xô cho rằng cần phải cung cấp vũ khí cho Cu Ba để giúp chính phủ Castro bảo vệ chủ quyền đất nước. Việc triển khai vũ khí của Liên Xô ở Cu Ba bắt đầu từ thỏa thuận giữa Liên Xô và Cu Ba tháng 9-1962. Trong bản thỏa thuận, Liên Xô và Cu Ba cho rằng: "Cần thiết phải bảo vệ quyền hợp pháp của nhân dân Cu Ba và Liên Xô trong việc tiến hành những biện pháp khẩn

cấp để bảo đảm an ninh chung trước nguy cơ của các cuộc tấn công chống lại nước Cộng hòa Cu Ba và Liên Xô". Theo thỏa thuận này, Liên Xô đã đưa vào Cu Ba một số lượng lớn vũ khí thông thường và một số tên lửa hạt nhân cùng với nhiều thiết bị quân sự được triển khai trên khắp lãnh thổ Cu Ba. Đồng thời, một lực lượng lớn các chuyên gia kỹ thuật quân sự Liên Xô (42.000 người) cũng được gửi sang Cu Ba để giúp quân đội Cu Ba triển khai vũ khí của Liên Xô.

Đáng chú ý là những tên lửa hạt nhân mà Liên Xô đưa sang Cu Ba có khả năng tiêu diệt những thành phố lớn nhất của Mỹ, có loại còn mạnh hơn cả những quả bom nguyên tử mà Mỹ đã ném xuống Nhật Bản năm 1945. Để giữ bí mật việc đưa vũ khí hạt nhân vào Cu Ba, giữa tháng 9-1962, TASS - cơ quan ngôn luận của nhà nước Liên Xô - đưa ra tuyên bố nói rằng: "Liên Xô không có yêu cầu phải di chuyển các phương tiện mà mình hiện có sang bất cứ nước nào, ví dụ như Cu Ba, để đánh trả sự xâm lược hoặc để đánh đòn trả đũa. Các phương tiện hạt nhân của Liên Xô đã có sức công phá mạnh và Liên Xô có những tên lửa mang đầu đạn mạnh tới mức không cần phải tìm kiếm nơi bố trí chúng ở đâu đó ngoài lãnh thổ Liên Xô"<sup>(8)</sup>. Trên thực tế, tuyên bố của Liên Xô không xóa tan được những nghi ngờ của chính quyền Kennedy. Mỹ đã đưa các tàu chiến

<sup>(8)</sup> *Đặc biệt tin cậy*, sdd, tr. 93-94.

tới gần bờ biển Cu Ba để uy hiếp, còn các máy bay trinh sát suốt ngày do thám trên bầu trời Cu Ba. Đến giữa tháng 10-1962, máy bay do thám U-2 của Mỹ đã phát hiện các bộ phóng tên lửa hạt nhân của Liên Xô đang được lắp đặt ở Cu Ba.

Việc Liên Xô đưa vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân vào Cu Ba diễn ra trong khung cảnh của cuộc đối đầu Mỹ - Xô và cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa hai siêu cường ngày càng tăng. Đồng thời lúc này chính quyền Kennedy đang tiến hành những âm mưu chống phá Cu Ba trên mọi phương diện. Vì thế, quan điểm của các nhà lãnh đạo Liên Xô trong việc đưa vũ khí thông thường và vũ khí hạt nhân vào Cu Ba là để bảo vệ Cu Ba trước các cuộc tấn công của Mỹ. Chính phủ Liên Xô cũng cho rằng, việc làm này là để làm đối trọng với việc Mỹ đặt tên lửa hạt nhân ở Thổ Nhĩ Kỳ. Theo cách nói của Chủ tịch Khrushchev, Hoa Kỳ đã đưa tên lửa đến "ngay trước mũi của Liên Xô" và vì thế Liên Xô "phải chặn bàn tay" của Mỹ lại. Liên Xô cũng coi đây là việc làm cần thiết để góp phần bảo vệ Liên Xô trước sự bao vây của các căn cứ quân sự của Mỹ ở khắp nơi trên thế giới<sup>(9)</sup>. Ngoài ra Khrushchev cho rằng, việc Liên Xô đưa tên lửa vào Cu Ba nhằm tìm kiếm một "sự cân bằng về chiến

lược so với Mỹ" vì lúc này Liên Xô chỉ có 300 đầu đạn hạt nhân, trong khi đó Mỹ có 5.000. Theo tính toán của Khrushchev, việc đưa tên lửa vào Cu Ba sẽ làm cho Liên Xô có thêm "lợi thế về chính trị trong quan hệ với Mỹ và có thêm trọng lượng trong các cuộc đàm phán với Mỹ về các vấn đề phức tạp khác nhau, kể cả vấn đề Tây Berlin". Tuy nhiên, Khrushchev không hề dự tính tới khả năng của một cuộc chiến tranh hạt nhân có thể nổ ra do việc làm này của Liên Xô<sup>(10)</sup>.

Như vậy, việc Liên Xô đưa vũ khí vào Cu Ba xuất phát từ những tính toán lợi ích chiến lược của Liên Xô, đó là làm đối trọng với Mỹ trong khung cảnh của sự đối đầu Xô - Mỹ và nhịp điệu của cuộc chiến tranh lạnh ngày càng tăng và để bảo vệ một đồng minh quan trọng của Liên Xô ở Tây bán cầu. Trong khi đó, Hoa Kỳ lại đánh giá sự việc này là một vấn đề nghiêm trọng. Trong bài phát biểu ngày 13-9-1962, Tổng thống Kennedy cho rằng, sự hợp tác quân sự Liên Xô - Cu Ba, đặc biệt việc Liên Xô đưa tên lửa hạt nhân vào Cu Ba, là một đe dọa đối với an ninh của Mỹ. Kennedy cảnh cáo rằng, Hoa Kỳ sẽ làm mọi việc có thể để chống lại mối đe dọa đó<sup>(11)</sup>. Thực tế là từ lâu các chính quyền Mỹ đã coi khu vực Mỹ Latinh là "sân sau" của nước Mỹ, trong khi

<sup>(9)</sup> *Đặc biệt tin cậy*, sdd, tr. 61; Walter LaFeber. *America, Russia, and the Cold War, 1945-1996*. Eight Edition. The McGraw-Hill Companies, Inc. New York, 1997. Tr. 221.

<sup>(10)</sup> *Đặc biệt tin cậy*, sdd, tr. 104.

<sup>(11)</sup> *Crisis in US Foreign Policy*, sdd, tr. 255.

Cu Ba lại ở ngay sát nước Mỹ, vì thế chính quyền Mỹ khó có thể chấp nhận một sự hợp tác quân sự giữa Liên Xô và Cu Ba ở bất cứ hình thức nào. Hơn nữa, lúc này cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân giữa Hoa Kỳ và Liên Xô đang tăng tốc. Trong những hoàn cảnh đó, việc Liên Xô đưa vũ khí hạt nhân vào Cu Ba đã trở thành ngòi nổ cho một cuộc xung đột Xô- Mỹ ở vùng Caribbean.

Cuộc khủng hoảng Caribbean chính thức bắt đầu từ ngày 14-10-1962 khi máy bay do thám U-2 của Mỹ chụp được các bức ảnh về các bệ phóng tên lửa của Liên Xô đang được triển khai ở Cu Ba. Ngay lập tức chính quyền Kennedy đã có phản ứng mạnh mẽ, kể cả dự kiến xâm lược Cu Ba và ném bom các trận địa tên lửa ở Cu Ba. Đồng thời Tổng thống Kennedy tỏ thái độ kiên quyết phải đưa bằng được những tên lửa của Liên Xô ra khỏi Cu Ba và đe dọa trả đũa bằng biện pháp quân sự. Ngày 22-10-1962, Tổng thống Kennedy đưa ra tuyên bố chính thức về các hành động phản ứng của Mỹ. Các hành động này bao gồm:

1. Thiết lập một đường ranh giới phong tỏa cách bờ biển Havana 500 dặm để ngăn cản tất cả các tàu thủy bị nghi ngờ là chuyên chở vũ khí tiến công đi vào hải phận Cu Ba.

2. Cùng với các nước thành viên Tổ chức Châu Mỹ (OAS) tiếp tục giám sát chặt chẽ việc xây dựng quân sự ở Cu Ba để kịp thời

đối phó với mối đe dọa về quân sự của Cu Ba và Liên Xô ở Tây bán cầu.

3. Coi bất cứ cuộc tiến công hạt nhân nào từ Cu Ba chống lại bất cứ một nước nào ở châu Mỹ là hành động tấn công của Liên Xô nhằm vào nước Mỹ và Hoa Kỳ sẽ giành quyền trả đũa cuộc tấn công đó.

4. Củng cố và đặt tình trạng báo động đối với căn cứ quân sự của Mỹ ở Guantanamo (một căn cứ hải quân của Mỹ ở đông nam Cu Ba).

5. Đề nghị triệu tập cuộc họp khẩn cấp của Cơ quan Tư vấn của OAS để xem xét mối đe dọa đối với an ninh của châu Mỹ theo các điều khoản 6 và 8 của Hiệp ước Rio (Hiệp ước phòng thủ tập thể Châu Mỹ, ký năm 1947), đồng thời cảnh báo tình trạng nguy hiểm đối với toàn thể đồng minh của Mỹ trên toàn thế giới.

6. Yêu cầu Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc triệu tập cuộc họp khẩn cấp để xem xét sự đe dọa của Liên Xô đối với hòa bình thế giới và yêu cầu rút toàn bộ các vũ khí tiến công của Liên Xô ra khỏi Cu Ba dưới sự giám sát của Liên hợp quốc trước khi Mỹ hủy bỏ lệnh phong tỏa bờ biển Cu Ba.

7. Kêu gọi Liên Xô hủy bỏ các hành động gây nguy hiểm đối với hòa bình thế giới bằng cách rút tất cả các vũ khí lắp đặt ở Cu Ba và không được lắp đặt các loại tên lửa bên ngoài lãnh thổ Liên Xô, đồng thời tham

gia vào việc tìm ra những giải pháp hòa bình lâu dài<sup>(12)</sup>.

Tuyên bố của Tổng thống Kennedy đã chính thức mở màn cho cuộc khủng hoảng Caribbean. Bản Tuyên bố trước hết là một lời tuyên chiến với Liên Xô và Cu Ba và thể hiện quyết tâm của Mỹ đánh trả lại các cuộc tiến công của Liên Xô và Cu Ba. Trong cuộc chiến này, Hoa Kỳ sẽ lôi kéo các nước châu Mỹ và các đồng minh của Mỹ ở khắp nơi trên thế giới cùng tham gia. Đồng thời, Kennedy cũng yêu cầu sự can thiệp của Liên hợp quốc. Những lời tuyên bố của Tổng thống Kennedy đã đặt thế giới vào tình trạng của một cuộc chiến tranh sắp nổ ra.

Đáp lại tuyên bố của Tổng thống Kennedy, ngày 23-10-1962 Chủ tịch Khrushchev đã gửi công hàm cho Kennedy. Trong bức công hàm, Khrushchev cho rằng những biện pháp của chính quyền Mỹ là những hành động chống lại Liên Xô và Cu Ba, là "sự can thiệp không thể tha thứ vào công việc nội bộ của Cu Ba". Khrushchev yêu cầu chính quyền Mỹ phải hủy bỏ việc phong tỏa bờ biển Cu Ba và hủy bỏ các biện pháp mà chính quyền Kennedy đã đề ra để "tránh những hậu quả có tính hủy diệt đối với toàn thế giới". Cùng ngày, Bộ Ngoại giao Liên Xô đã chuyển cho Đại sứ quán Mỹ ở Matxcova thư trả lời của Chủ tịch Khrushchev. Bức thư lên án việc

phong tỏa bờ biển Cu Ba là "hành vi xâm lược, đẩy loài người đến vực thẳm của cuộc chiến tranh tên lửa quốc tế", vì vậy Liên Xô "buộc phải có những biện pháp cần thiết để bảo vệ quyền của mình và để làm việc đó, chúng tôi (Liên Xô) có tất cả những thứ cần thiết"<sup>(13)</sup>. Những văn bản của Chủ tịch Khrushchev trả lời chính quyền Kennedy cho thấy Liên Xô cũng thể hiện một quan điểm rất cứng rắn trước những đe dọa của chính quyền Mỹ. Thực chất, đây cũng là lời tuyên chiến của Liên Xô chống lại Mỹ. Như vậy, quan điểm cứng rắn của cả Hoa Kỳ và Liên Xô lúc này đã đặt thế giới bên miệng hố của một cuộc chiến tranh mới, trong đó khả năng của việc sử dụng vũ khí hạt nhân là không tránh khỏi nếu cuộc chiến xảy ra.

Để tiến hành phong tỏa vùng biển Caribbean nhằm bao vây Cu Ba, chính quyền Kennedy đã sử dụng một lực lượng quân sự lớn bao gồm 183 tàu chiến, 5 sư đoàn bộ binh và một sư đoàn lính thủy đánh bộ, 1.600 máy bay, bao gồm cả máy bay chiến lược mang bom nguyên tử<sup>(14)</sup>. Hai sự kiện khác cùng xảy ra trong ngày 27-10-1962 làm trầm trọng thêm cuộc khủng hoảng ở vùng biển Caribbean, đó là: Một máy bay do thám U-2 của Mỹ xâm phạm

<sup>(12)</sup> *Crisis in US Foreign Policy*, sdd, tr. 269-271.

<sup>(13)</sup> *Đặc biệt tin cậy*, sdd, tr. 115, 121.

<sup>(14)</sup> Bộ Quốc phòng. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. *Thế giới thế kỷ XX: những sự kiện quân sự*. Nxb Quân đội Nhân dân. Hà Nội, 2003. Tr. 242.



không phận của Liên Xô ở phía đông đã bị máy bay của Liên Xô đánh chặn; Sự kiện thứ hai là một máy bay do thám U-2 khác của Mỹ bị tên lửa SAM của Liên Xô bắn rơi ở Cu Ba. Liên tiếp trong hai ngày 26 và 27-10-1962 đây cũng chẳng, Chủ tịch Khrushchev và Tổng thống Kennedy đã trao đổi thư từ thương lượng. Trong các bức thư, Chủ tịch Khrushchev cảnh báo hậu quả hủy diệt của một cuộc chiến tranh nóng giữa Hoa Kỳ và Liên Xô nếu cuộc chiến tranh này bùng nổ. Đối với vấn đề Cu Ba, Chủ tịch Khrushchev lên án việc Mỹ phong tỏa bờ biển Cu Ba là hành động "cướp biển" và yêu cầu chính quyền Mỹ phải hủy bỏ ngay việc làm này. Đồng thời, Chủ tịch Khrushchev cũng cam kết rằng các tàu của Liên Xô đến Cu Ba sẽ không chở vũ khí. Tuy nhiên, Khrushchev cũng không quên khẳng định Liên Xô sẽ tiếp tục giúp Cu Ba xây dựng và bảo vệ đất nước. Ngoài ra, Chủ tịch Khrushchev cũng đề nghị Tổng thống Kennedy tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ không xâm lược Cu Ba hoặc tiếp tay cho các hành động xâm lược Cu Ba. Đổi lại, Liên Xô sẽ rút hết chuyên gia quân sự về nước. Đặc biệt trong bức thư ngày 27-10-1962, Chủ tịch Khrushchev đề nghị Liên Xô sẽ rút hết các vũ khí và phương tiện quân sự mà Mỹ cho là thuộc loại vũ khí tiến công ra khỏi lãnh thổ Cu Ba và công bố việc này tại Liên hợp quốc. Đổi lại, Hoa Kỳ cũng sẽ công bố tại Liên hợp quốc về việc rút hết các tên lửa

Jupiter của Mỹ bố trí ở Thổ Nhĩ Kỳ. Đồng thời, Khrushchev đề nghị Liên Xô sẽ cam kết tại Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc về việc tôn trọng chủ quyền lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ, không can thiệp vào công việc nội bộ của Thổ Nhĩ Kỳ, không ủng hộ mọi hành động xâm lược Thổ Nhĩ Kỳ, bất cứ là từ lãnh thổ Liên Xô hay từ lãnh thổ các nước láng giềng của Thổ Nhĩ Kỳ. Đổi lại, Hoa Kỳ cũng sẽ cam kết tại Liên hợp quốc thực hiện các hành động tương tự đối với Cu Ba<sup>(15)</sup>.

Trả lời những đề nghị của Chủ tịch Khrushchev, Tổng thống Kennedy yêu cầu tất cả các loại vũ khí và hệ thống vũ khí tiến công ở Cu Ba phải được đặt trong trạng thái không hoạt động. Kennedy đồng ý với một số đề nghị trong bức thư ngày 26-10-1962 của Khrushchev, được nhắc lại thành hai điểm chính sau: 1) Liên Xô dỡ bỏ các hệ thống vũ khí đã lắp đặt ở Cu Ba dưới sự giám sát của Liên hợp quốc và chấm dứt việc đưa các loại vũ khí như vậy vào Cu Ba; 2) Dưới sự dàn xếp của Liên hợp quốc, Hoa Kỳ hủy bỏ lệnh phong tỏa bờ biển Cu Ba và cam kết không xâm lược Cu Ba, đồng thời đề nghị các nước châu Mỹ khác cũng làm như vậy. Tổng thống Kennedy cho rằng sau khi Liên Xô và Cu Ba thực hiện những đề nghị của Mỹ sẽ mở ra điều kiện tiếp theo cho những cuộc đàm phán về các vấn đề

<sup>(15)</sup> *Crisis in US Foreign Policy*, sdd, tr. 272-275.

quốc tế rộng lớn hơn<sup>(16)</sup>. Một trong những vấn đề then chốt mà Chủ tịch Khrushchev mong muốn là Hoa Kỳ rút tên lửa Jupiter ở Thổ Nhĩ Kỳ đã không được Tổng thống Kennedy đề cập trong thư trả lời. Trên thực tế, bối cảnh của việc Hoa Kỳ triển khai tên lửa Jupiter ở Thổ Nhĩ Kỳ không giống như bối cảnh Liên Xô triển khai các tên lửa SS-4 và SS-5 ở Cu Ba. Đối với Hoa Kỳ, việc triển khai tên lửa ở Thổ Nhĩ Kỳ trong khuôn khổ của những cam kết của khối NATO mà Thổ Nhĩ Kỳ là một nước thành viên, vì thế, Hoa Kỳ không thể đơn phương quyết định việc này khi chưa có sự nhất trí của NATO<sup>(17)</sup>. Như vậy, vấn đề tên lửa của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ không phải là một vấn đề mà chính quyền Kennedy dễ giải quyết công khai ngay lập tức với Liên Xô. Trong điều kiện đó, ngày 28-10-1962 chủ tịch Khrushchev đã gửi hai bức thư trả lời Tổng thống Kennedy. Trong bức thư thứ nhất (được công bố công khai), Khrushchev đồng ý với những đề nghị của Kennedy nhưng cũng cảnh cáo việc Hoa Kỳ tiếp tục các hoạt động do thám trên không phận của Liên Xô và Cu Ba. Chủ tịch Khrushchev cho rằng, nếu Hoa Kỳ tiếp tục các hoạt động do thám này sẽ làm cho tình hình thêm phức tạp. Trong bức thư thứ hai (không được công bố công khai), Chủ tịch Khrushchev tiếp tục đề nghị giải

quyết vấn đề tên lửa của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ theo cách thuận lợi cho phía Mỹ<sup>(18)</sup>. Ngoài ra, trong các thông điệp mật giữa Khrushchev và Kennedy hai ngày sau đó, Hoa Kỳ và Liên Xô đã nhất trí về phương thức giải quyết vấn đề tên lửa của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ không đưa ra công khai, chỉ là những thỏa thuận bí mật giữa hai nước. Những thỏa thuận cả công khai và bí mật giữa Liên Xô và Hoa Kỳ đã đưa đến giải pháp cuối cùng cho cuộc khủng hoảng Caribbean. Theo thỏa thuận công khai, Liên Xô rút các tên lửa ở Cu Ba về nước dưới sự giám sát của Liên hợp quốc còn Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh phong tỏa bờ biển Cu Ba, đồng thời cam kết không xâm lược Cu Ba. Theo thỏa thuận bí mật, Hoa Kỳ sẽ rút hết các tên lửa của Mỹ ở Thổ Nhĩ Kỳ. Ngay sau đó, Liên Xô bắt đầu rút các loại vũ khí tiến công trong đó có các tên lửa mang đầu đạn hạt nhân ra khỏi Cu Ba. Phía Mỹ cũng hủy bỏ lệnh phong tỏa bờ biển Cu Ba. Tuy nhiên, chính quyền Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu chống phá Cu Ba. Mặc dù vậy, cả thế giới lúc này thở phào vì thoát khỏi nguy cơ của một cuộc chiến tranh hạt nhân. Tuy nhiên, các nước có liên quan vẫn còn phải giải quyết hậu quả của cuộc khủng hoảng để lại.

Như vậy, việc Hoa Kỳ và Liên Xô nhanh chóng giải quyết cuộc khủng hoảng Caribbean đã tránh cho nhân loại một thảm họa hạt

<sup>(16)</sup> *Crisis in US Foreign Policy*, sđd, tr. 286.

<sup>(17)</sup> Tham khảo *Đặc biệt tin cậy*, sđd, tr. 129, 131.

<sup>(18)</sup> *Crisis in US Foreign Policy*, sđd, tr. 287-288.

nhân mới và góp phần làm dịu tình hình quốc tế vào lúc này. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng này đã lên tiếng báo động về nguy cơ hủy diệt của một cuộc chiến tranh hạt nhân không những đối với hai cường quốc hạt nhân hàng đầu là Hoa Kỳ và Liên Xô mà còn đối với tất cả các nước trên thế giới. Nó đã đặt ra một yêu cầu cho nhân loại: Cần phải hạn chế, tiến tới chấm dứt cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân. Việc giải quyết cuộc khủng hoảng bằng con đường thương lượng đã tránh cho cả Hoa Kỳ và Liên Xô lâm vào một cuộc chiến tranh hạt nhân mà kết cục là cả hai cùng bị tiêu diệt do sức tàn phá khủng khiếp của loại vũ khí này. Để phòng ngừa một cuộc khủng hoảng hạt nhân khác, ngày 20-6-1963 Hoa Kỳ và Liên Xô đã thiết lập đường dây điện thoại nóng đầu tiên. Đây là đường dây liên lạc trực tiếp giữa Matxcova và Washington, giữa hai vị nguyên thủ quốc gia của Liên Xô và Mỹ và "để sử dụng trong những tình huống đặc biệt" nhằm giảm bớt rủi ro của một cuộc chiến tranh hạt nhân bất ngờ có thể xảy ra. Đây là một nỗ lực lớn của cả hai phía kể từ sau cuộc khủng hoảng Caribbean tháng 10-1962. Ngoài ra, Liên Xô và Hoa Kỳ đã thực sự tiến hành các cuộc đàm phán bước đầu về vấn đề kiểm soát vũ khí hạt nhân. Kết quả là ngày 5-8-1963, Hoa Kỳ, Liên Xô và Anh đã ký Hiệp ước Cấm thử vũ khí hạt nhân trong không trung, trong vũ trụ và dưới nước (LTB). Ngoài ra, Liên Xô và Hoa Kỳ cùng tham ký Hiệp ước về Không

gian vũ trụ năm (OST) 1967 và Hiệp ước Không phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) năm 1968. Những hiệp ước này là những bước đi ban đầu của quá trình kiểm soát và cắt giảm vũ khí hạt nhân, mở đường cho các cuộc đàm phán hơn nữa về vấn đề giải trừ quân bị hạt nhân trên thế giới trong các giai đoạn sau đó.

Trên phương diện quan hệ song phương, Liên Xô tiếp tục là chỗ dựa về tinh thần và vật chất cho Cu Ba. Trong khi đó, quan hệ giữa Hoa Kỳ và Cu Ba vẫn là mối quan hệ đối đầu. Trên thực tế, vấn đề Cu Ba vẫn luôn là vấn đề nhức nhối thường trực trong quan hệ giữa Liên Xô và Hoa Kỳ trong nhiều năm sau cuộc khủng hoảng Caribbean. Đối với mối quan hệ Xô - Mỹ, sự thù địch của Hoa Kỳ đối với Liên Xô còn tiếp tục cho đến khi Liên Xô sụp đổ năm 1991. Nhìn lại cuộc khủng hoảng Caribbean năm 1962 có thể thấy rằng, cuộc khủng hoảng này chính là hệ quả của cuộc đối đầu giữa hai cường quốc hàng đầu thế giới. Trên phương diện an ninh chính trị, cuộc khủng hoảng đã làm cho tình hình quốc tế trở nên căng thẳng đầu những năm 1960 bởi nguy cơ bùng nổ một cuộc chiến tranh hạt nhân. Trong quan hệ quốc tế, nó tiếp tục khoét sâu những mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Liên Xô cũng như sự đối đầu giữa hai khối do hai cường quốc này đứng đầu. Trên phương diện kinh tế, nó đã gây ra sự tổn kém lớn cho cả hai nước trong một thời gian ngắn. Mặc dù cuộc khủng hoảng đã xảy ra cách đây hơn bốn thập kỷ, nhưng cách giải

quyết khủng hoảng này đã để lại một bài học quan trọng trong lĩnh vực quan hệ quốc tế. Bài học đó là: Các cuộc xung đột quốc tế có thể giải quyết bằng phương pháp hòa bình với điều kiện các bên trong cuộc xung đột cùng phải nhân nhượng và phải đặt lợi ích riêng của dân tộc bên cạnh những lợi ích chung của cả khu vực và thế giới. Đây là một bài học chung không những cho các cường quốc lớn mà còn cho tất cả các nước trên thế giới trong việc giải quyết các cuộc xung đột song phương và đa phương. Đây cũng là một trong những biện pháp tích cực, góp phần giữ gìn sự ổn định, hòa bình, hợp tác và cùng phát triển giữa các quốc gia trên thế giới.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Quốc phòng. Viện Lịch sử quân sự Việt Nam. *Thế giới thế kỷ XX: những sự kiện quân sự*. Nxb Quân đội Nhân dân. Hà Nội, 2003.
2. Castro, Fidel. *Kỷ tích cách mạng của nhân dân Cu Ba*. Tài liệu dịch - Tiếng Pháp. Thư viện Quân đội. 1979.
3. *Cuba, Castro and the United States*. University of Pittsburgh Press, 1971.
4. Đôbrunhin, Anatôli. *Đặc biệt tin cậy: Vị đại sứ ở Oashinh-ton qua sáu đời Tổng thống Mỹ*. Nxb Chính trị Quốc gia. Hà Nội, 2001.
5. Kramer, Mark. *Research Note: Documenting the Early Soviet Nuclear Weapons Program*. Bulletin of the Cold War International History Project, Issue 6-7, Winter 1995/1996, pp. 266-271. Woodrow Wilson International Center for Scholars, Washington D.C.
6. Hixson, Walter L. 'Nuclear Weapons and Cold War Diplomacy', from Carroll, John M. & Herring, George C. (Editors), *Modern American Diplomacy*. Scholarly Resources Inc. Delaware, 1996.
7. Hunt, Michael H. *Managing the Cuban Missile Crises, 1961-1963*. From Crises in U.S. Foreign Policy: An International History Reader. Yale University Press, 1996.
8. LaFeber, Walter. *America, Russia, and the Cold War, 1945-1996*. Eight Edition. The McGraw-Hill Companies, Inc. New York, 1997.
9. Lê Bá Thuyên. *Hoa Kỳ - Cam kết và Mở rộng*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1997.
10. Lê Kim. *Châu Mỹ Latinh đấu tranh bất khuất*. Nxb Quân đội nhân dân. Hà Nội, 1964.
11. McCormick, Thomas J. *America's Half-Century: United States Foreign Policy in the Cold War and After*. Second Edition. The Johns Hopkins University Press. Baltimore and London, 1995.
12. *Nước Cộng hòa Cu Ba*. Nxb Sự thật. Hà Nội, 1982.
13. Phạm Xuân Nam. *Phong trào đấu tranh chống đế quốc Mỹ ở Mỹ Latinh từ sau Chiến tranh Thế giới II*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội, 1968.
14. Paterson, Thomas G. & Merrill, Dennis. *Major Problems in American Foreign Relations, Vol. II: Since 1914*. D. C. Heath and Company, Massachusetts, 1995.
15. Paterson, Thomas G., Clifford, J. Garry & Hagan, Kenneth J. *American Foreign Relations - A History Since 1895. Vol. II*. Houghton Mifflin Company. New York, 2000.